TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HS-ST
Ngày: 30/6/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC -TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Duy Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huân và bà Nguyễn Thị Thúy Hà

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà***: Bà Khổng Thị Phú Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2021/HSST ngày 20 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/HSST-QĐ ngày 04/6/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/HSST-QĐ ngày 17/6/2021 đối với các bị cáo:

1, Phạm Thị L, sinh ngày 27/12/1977; Sinh trú quán: Tổ t, thị trấn Y, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Văn H, con bà Dương Thị D ; Có chồng là Nguyễn Văn T và có 05 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện tại ngoại tại địa phương. Có mặt.

2, Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/5/1975; Sinh trú quán: Tổ t, thị trấn Y, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Xuân H1, con bà Dương Thị V; Có vợ là Phạm Thị L và có 05 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện tại ngoại tại địa phương. Có mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo L và bị cáo T: Bà Lê Thị Thu Hiền, Luật sư Văn phòng Luật sư Vĩnh Phú; địa chỉ: Đường Lương Văn Can, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt

* Người bị hại: Chị Dương Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ dân phố 5 Đông, thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố 5 Đông, thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do anh Nguyễn Văn S có nợ vợ chồng Phạm Thị L và Nguyễn Văn T số tiền 30.000.000đ chưa trả. Khoảng 20h40’ ngày 14/12/2020, L đi đến xưởng mộc của gia đình anh S để đòi tiền, nhưng anh S không có tiền, nên bảo L cầm 02 chiếc máy chà gỗ nhãn hiệu Makita, màu xanh đen mang về, khi nào có tiền trả cho L thì anh S đến lấy máy chà về. L đồng ý và cầm 02 chiếc máy chà về. Anh S không nói chuyện này cho chị H biết. Đến khoảng 07h ngày 15/12/2020, chị H đến xưởng gỗ làm không thấy 02 chiếc máy chà đâu. Nghĩ là bị mất trộm nên chị H đã xem nhờ camera an ninh của gia đình anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1981 là hàng xóm ở đối diện xưởng gỗ gia đình chị H thì biết là L lấy. Khoảng 15h30’ cùng ngày, chị H một mình đi đến xưởng và là nhà ở của L để đòi máy chà, nhưng L không trả nên hai bên đã xảy ra cãi chửi nhau. Thấy L đang chà gỗ, chị H đi đến rút phích điện ra và cầm 02 chiếc máy chà, thấy vậy L giằng lại dẫn đến hai bên rằng co du đẩy nhau. Lúc này, anh Phạm Văn Q SN 1972 ở TDP 1 Trung, TT Yên Lạc đang làm ở đó đến căn ngăn thì bị chị H chửi lại, anh Q bực tức dùng tay túm cổ áo chị H lôi ra ngoài nhưng không được nên anh Q thôi và đi làm việc tiếp. Do bực tức việc chị H đến và chửi bới, L đã hô đóng cổng để trói chị H lại rồi đi báo công an và bảo cháu Nguyễn Văn N và cháu Nguyễn Văn M đều sinh ngày 10/5/2007 (là con trai Tvà L) đâu lấy cho mẹ cái dây chạc. Lúc này 2 cháu đi vào trong nhà tìm dây chạc nhưng không có, còn Nguyễn Văn T đi ra khép cổng. Sau đó, Tbảo cháu N đi ra khóa cổng. Tiếp theo T đi vào thềm lấy 01 đoạn dây điện màu vàng, dài khoảng 10m và 01 đoạn dây điện màu vàng dài khoảng 05 đến 06m, một đầu có phích cắm, một đầu có ổ cắm điện, đi đến chỗ chị H. L giữ chị H còn Tdùng dây điện trói quấn quanh người của chị H. Sau đó, L tiếp tục quật chị H ngã ngửa xuống nền sân. T tiếp tục dùng dây điện trói phần chân của chị H, do một đầu dây có ổ cắm điện nên T bảo cháu M lấy dao chặt bỏ phần ổ cắm để T, L tiếp tục trói tay, chân chị H lại. Thấy chị H còn vùng vẫy, L bảo cháu N lấy tiếp cho L một đoạn dây vải màu đen và một đoạn dây chun, T giữ người H còn L tiếp tục dùng dây vải trói tay, chân của chị H lại. Trói xong, T gọi điện thoại cho anh S thông báo cho anh S lên nhà T bảo chị H về. Nghe T nói vậy, anh S gọi điện cho chị Dương Thị H3, sinh năm 1989 ở cùng tổ dân phố là

em gái chị H nhờ chị H3 đến nhà L, T xem có chuyện gì thì H3 đồng ý. Sau khi trói chị H xong, thấy chị H vẫn vùng vẫy nên L lấy tiếp 03 đoạn dây nhựa màu trắng tiếp tục trói hai chân chị H lại, chị H chửi bới thì bị L tát 02-3 phát trúng vào vùng mặt làm chị H bị bầm tím ở môi. Đúng lúc này có chị Phạm Thị Th, SN 1986 ở TDP 3 Đ, TT Y và chị Phạm Thị Th, SN 1984 ở TDP 3 Tr, TT Y là em gái của L và anh Nghiêm Xuân Th, SN 1975 ở TDP 2 Đ, TT Y đến vào can ngăn và cởi trói cho chị H. Hậu quả: Chị H bị bầm tím xung quanh cổ tay trái; bầm dập ngón cái tay phải, bầm tím ở vùng cổ tay phải và có hai vết hằn lớn xuất hiện xung quanh cổ tay; bầm tím ở môi trên bên phải, bầm dập ở vùng môi dưới. Sau đó chị H đến Công an TT Yên Lạc để trình báo sự việc trên.

Cùng ngày Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 đoạn dây màu đen dài 99cm; 01 đoạn dây màu vàng dài 10,2m; 01 đoạn dây điện bằng cao su dài 60cm, 01 đoạn dài 36cm và 01 đoạn dài 35cm; 01 đoạn dây bằng nhựa màu trắng dài 77cm, 01 đoạn dài 82cm và 01 đoạn dài 52cm; 01 đoạn dây bằng nhựa màu xanh dài 70cm; 02 chiếc mày chà gỗ; 01 đoạn dây diện dài 1,4m một đầu nối với ổ cắm; 01 chiếc USB nhãn hiệu Toshiba, loại 4GB. Anh Nguyễn Văn C đã tự nguyện giao nộp: 01 chiếc USB nhãn hiệu Toshiba loại 8GB và 01 điện thoai di động nhãn hiệu MASSTEL để điều tra làm rõ.

Tại bản Kết luận giám định số 110/KLGĐ đề ngày 09/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận về đối tượng giám định: Chụp được 24 ảnh của các đối tượng xuất hiện trong tệp tin video gửi giám định; 01 tệp tin video giám định sao lưu vào 02 đĩa DVD.

Tại bản Kết luận giám định số 111/KLGĐ đề ngày 09/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận về đối tượng giám định: Chụp được 42 ảnh của các đối tượng xuất hiện trong tệp tin video gửi giám định; 01 tệp tin video giám định sao lưu vào 02 đĩa DVD.

Ngày 28/12/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Lạc đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 28, trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc giám định tỉ lệ phần trăm thương tích của chị Dương Thị H nhưng chị H từ chối không đi giám định thương tích. Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Lạc yêu cầu và dẫn giải chị H đi giám định thương tích nhưng Hà vẫn kiên quyết từ chối.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra chị Dương Thị H yêu cầu các bị cáo T, L phải bồi thường cho chị tổng số tiền 20.500.000đồng, trong đó tiền viện phí là 2.000.000đồng, tiền mua thuốc tiền mất thu nhập trong 3 ngày điều trị là 2.500.000đồng và tiền mất thu nhập 40 ngày công lao động là 16.000.000đồng. Ngoài ra, chị H không yêu cầu bất kỳ khoản tiền gì khác. Ngày 21/3/2021, bị cáo T, L đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 4.500.000đồng để bồi thường cho chị H.

Tại Cáo trạng số 31/CT-VKS, ngày 19/4/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc truy tố các bị cáo Phạm Thị L và Nguyễn Văn T về tội "Giữ người trái pháp luật" theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị L, Nguyễn Văn T phạm tội "Giữ người trái pháp luật"; Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 17, 58; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 luật Hình sự, khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự xử phạt bị cáo Phạm Thị L từ 08 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách thừ 01 năm 04 tháng đến 01 năm 08 tháng; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 tháng đến 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách thừ 01 năm đến 01 năm 04 tháng; Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các điều 584, 585, 586, 587, 590 Bộ luật dân sự: không chấp nhận yêu cầu bồi thường đối với 40 ngày công lao động, chấp nhận phần yêu cầu bồi thường đối với tiền điều trị, tiền mua thuốc và mất thu nhập trong 03 ngày điều trị với số tiền 4.500.000đồng của chị Dương Thị H; xác nhận các bị cáo đã bồi thường cho chị Dương Thị H số tiền 4.500.000đồng; Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị xử lý vật chứng theo quy định; Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến động cơ, mục đích thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo khi quyết định hình phạt. Các bị cáo phạm tội chỉ là do nhất thời và hiểu biết pháp luật hạn chế, sự việc xảy ra một phần cũng do lỗi của người bị hại. Đề nghị áp dụng thêm cái tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm d, e, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị cho các bị cáo hưởng án treo.

Người bị hại chị Dương Thị H đề nghị xử phạt các bị cáo mức nặng nhất và yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho chị tổng số tiền 20.500.000đồng. Tại phiên tòa chị không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì, đối với yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho chị số tiền 16.000.000đồng là do sau khi sự việc xảy ra sức khỏe của chị bị ảnh hưởng, tâm lý lo sợ nên chị không thể lao động làm việc được, chị chỉ ở nhà làm công việc nhà. Ngoài ra, chị không yêu cầu bất cứ khoản tiền nào khác.

Các bị cáo L, T không bào chữa, tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan Thành tố tụng, người Thành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Thành tố tụng, người Thành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2]. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 16h15’ ngày 15/12/2020, do có mâu thuẫn giữa chị Dương Thị H với vợ chồng Phạm Thị L và Nguyễn Văn T trong việc vay nợ, nên dẫn đến hai bên xảy ra xô sát cãi chửi nhau. L hô đóng cổng trói chị H, thì T dùng 10 đoạn dây điện, dây vải, dây nhựa; L, T thay nhau giữ và dùng dây trói, giữ chị H trái ý muốn trong thời gian khoảng 10 phút. Ngoài ra, trong khi trói L tát chị H 02-03 phát vào mồm. Hậu quả chị H bị bầm tím xung quanh cổ tay trái; bầm dập ngón cái tay phải, bầm tím ở vùng cổ tay phải và có hai vết hằn lớn xuất hiện xung quanh cổ tay; bầm tím ở môi.

Hành vi của Phạm Thị L và Nguyễn Văn T đã phạm vào tội “Giữ người trái pháp luật” được quy định tại khoản 1 điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều luật quy định: *“1.Người nào…giữ…người trái pháp luật… thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”*

Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất của vụ án và vai trò của các bị cáo: Các bị cáo phạm tội tuy ít nghiêm trọng nhưng đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm quyền tự do của công dân được pháp luật bảo vệ. Không ai bị giữ nếu không có quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự bàn bạc, không có sự phân công chuẩn bị từ trước nên các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn. Mục đích giữ người của các bị cáo là nhằm không cho bị hại gây rối, thực tế sau khi trói và giữ chị H trong sân, bị cáo Tcũng gọi điện cho Công an thị trấn Yên Lạc và chồng của bị hại để giải quyết. Trong vụ án này, bị cáo Phạm Thị L là người khởi xướng và cũng là người thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực nên bị cáo phải chịu trách nhiệm với vai trò chính và phải chịu hình phạt cao hơn. Bị cáo Nguyễn Văn T sau khi tiếp nhận ý chí của bị cáo L đã không can ngăn mà còn giúp sức tích cực cho bị cáo L thực

hiện hành vi trói và giữ chị H nên bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm tương xứng với vai trò và hành vi của mình.

[4]. Về nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trước khi phạm tội, các bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo L và T là vợ chồng và đều là lao động chính trong gia đình, hiện đang nuôi hai con nhỏ dưới 14 tuổi. Các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 Bộ Luật Hình sự.

Đối với các tình tiết giảm nhẹ mà người bào chữa đề nghị áp dụng, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận bởi lẽ: Khi xảy ra sự việc tại nhà bị cáo L còn có cả anh Q ở đó, lúc này chỉ có một mình chị H và chị H chưa làm ảnh hưởng gì đến tài sản cũng như tính mạng, sức khỏe của các bị cáo mà dẫn đến các bị cáo phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết hay tinh thần bị kích động mạnh. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe và quyền tự do của chị H, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh tại địa phương. Nên việc các bị cáo thực hiện hành vi trói và giữ chị H không thuộc trường hợp theo quy định tại điểm d, e, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, hai bị cáo là lao động chính trong gia đình và đang chăm sóc hai con chưa thành niên nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để các bị cáo cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của chính quyền cũng đủ để răn đe đối với các bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra chị Dương Thị H yêu cầu các bị cáo T, L phải bồi thường cho chị tổng số tiền 20.500.000đồng, trong đó tiền viện phí là 2.000.000đồng, tiền mua thuốc tiền mất thu nhập trong 3 ngày điều trị là 2.500.000đồng và tiền mất thu nhập 40 ngày công lao động là 16.000.000đồng. Ngoài ra, chị H không yêu cầu bất kỳ khoản tiền gì khác. Tuy nhiên, chị H không đưa ra được các tài liệu chứng cứ chứng minh về việc chị mất thu nhập 40 ngày công lao động, quá trình chị bị trói và giữ, mặc dù chị có bị thương tích nhưng thương tích này không đến mức làm ảnh hưởng đến khả năng lao động của chị H. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa chị H xác định: sau khi sự việc xảy ra, chị H có điều trị tại bệnh viện 03 ngày, sau đó chị về điều trị tại nhà và làm việc nhà, phục vụ sinh hoạt trong gia đình, chị vẫn lao động bình thường, thời gian sau đó chị vẫn làm việc bình thường với cơ quan điều tra. Vì vậy, số tiền chị H yêu cầu bồi thường mất thu nhập 40 ngày công lao động là không có

căn cứ nên không được chấp nhận. Các bị cáo T, L đồng ý và đã tự nguyện nộp số tiền 4.500.000đ là tiền thuốc và tiền viện phí theo yêu cầu của chị H. Xét thấy việc các bị cáo tự nguyện bồi thường cho chị H không trái pháp luật và phù hợp với quy định tại Điều 584, 585, 586, 587 và 590 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử xác nhận sự tự nguyện bồi thường một phần yêu cầu của các bị cáo.

[6]. Về các vấn đề khác:

- Quá trình điều tra xác định, ngày 14/12/2020, L đến xưởng gỗ gia đình chị H lấy 02 máy chà gỗ nhãn hiệu Makita, màu xanh đen mang về nhưng được sự đồng ý của anh S là chồng chị H, L không tự ý lấy, do vậy hành vi đó của L không cấu thành tội trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý L là phù hợp. Đối với hành vi cố ý gây thương tích: Trong khi giữ chị H đã có hành vi dùng dây trói và dùng tay tát vào mặt chị H làm chị H bầm tím ở tay và môi nhưng do chị H từ chối giám định thương tích nên không có căn cứ để xác định phần trăm thương tích của chị H. Hành vi của L chưa đủ yếu tố cấu thành tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại Điều 134 Bộ luật Hình sự nên cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với L về hành vi này. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với L là phù hợp.

- Đối với cháu Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn M đã có hành vi giúp sức cho Phạm Thị L, Nguyễn Văn T(là bố mẹ đẻ) thực hiện hành vi trói giữ chị H trái ý muốn. Tuy nhiên, tính đến thời điểm phạm tội thì các cháu N, M mới 13 tuổi 7 tháng 5 ngày, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự và đã giáo dục, nhắc nhở các cháu là phù hợp.

- Đối với số tiền 30.000.000đ anh Nguyễn Văn S nợ vợ chồng L, T. Tại cơ quan điều tra anh S khai đây là số tiền anh S mua số lô, số đề của L, T cách đây hai năm. Có lần anh đến ghi trực tiếp với L, Tnhưng có lần ghi qua tin nhắn, điện thoại; nhưng hiện tại anh S không còn lưu giấy tờ gì, còn điện thoại anh không nhớ số nào. Ngoài lời khai của anh S không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh số tiền trên là tiền anh S mua số lô, số đề của bị cáo T, L. Mặt khác tại cơ quan điều tra L, Tkhông thừa nhận đã ghi số lô, số đề cho S. Số tiền anh S nợ T, L là tiền anh S vay để kinh doanh, khi vay mượn có viết giấy và anh S ký vào đó. Do vậy không có căn cứ để xác minh nên Cơ quan điều tra không xử lý T, L về hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi số lô, đề là phù hợp. Về việc anh S nợ tiền của hai bị cáo là giao dịch dân sự, các bị cáo và anh S cũng không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[7]. Về vật chứng:

- Đối với 10 đoạn dây các loại các bị cáo dùng để trói chị H là công cụ phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 02 chiếc mày chà gỗ quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh S và chị H nên cần trả lại cho gia đình chị H là phù hợp.

- 01 điện thoại động nhãn hiệu Masstell quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của bị cáo T, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 chiếc USB nhãn hiệu Toshiba loại 4GB, 01 USB nhãn hiệu Toshiba loại 8Gb là tài sản hợp pháp của bị cáo T và của anh Nguyễn Văn C. Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Lạc đã trả lại cho anh Công và bị cáo T là phù hợp.

- Số tiền 4.500.000đồng là tiền các bị cáo tự nguyện giao nộp để bồi thường cho chị Dương Thị H nên cần trả cho chị H.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị L, Nguyễn Văn T phạm tội "Giữ người trái pháp luật".

Căn cứ khoản 1 Điều 157, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Thị L 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Phạm Thị L và Nguyễn Văn T cho UBND thị trấn Y, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587 và Điều 590 Bộ luật Dân sự:

- Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường của chị H đối với tiền mua thuốc tiền mất thu nhập trong 3 ngày điều trị là 2.500.000đồng Không chấp nhận yêu cầu bồi thường tiền mất thu nhập 40 ngày công lao động với số tiền là 16.000.000đồng của chị Dương Thị H. Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo Phạm Thị L, Nguyễn Văn T đã nộp số tiền 4.500.000đồng tại Cơ quan điều tra để

bồi thường cho chị Dương Thị H. Chị Dương Thị H được nhận số tiền này tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc.

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn S và chị Dương Thị H 02 máy chà gỗ;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstell nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

- Tịch thu tiêu hủy 10 đoạn dây các loại.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc).

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Phạm Thị L, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cơ quan CSĐT- Công an huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Yên Lạc;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu HS, bộ phận theo dõi THAHS,VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Hưng